

K

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 2025
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	9 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	13 – 42
Phụ lục	43 – 54

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp; Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 10 năm 2024 nhằm bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : **505.500.000.000 Đồng**

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai
(địa chỉ cũ: Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước)

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số DN : **3 8 0 0 1 0 0 5 1 3**

Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số KT và DVTH Bình Phước

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước)

Mã số DN : **3 8 0 0 1 0 0 5 1 3 – 0 0 1**

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Xuân Hiệp

Ban Điều hành Công ty

- | | | |
|--------|------------------|--|
| 1. Ông | Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. Ông | Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Xuân Cừ | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 2025 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 42.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ 2025 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Bình Phước, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Số: 1006.01-01/2025/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
BÌNH PHƯỚC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 10 tháng 7 năm 2025, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính

sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các chỉ tiêu Phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ được ghi nhận trên cơ sở tạm trích, do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được các yếu tố năng suất lao động bình quân và yếu tố lợi nhuận trong năm để xác định quỹ tiền lương thực hiện cho năm 2025.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng vì vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan, Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2023-124-1*

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4705-2024-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		999.792.481.984	1.205.359.775.290
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		605.520.259.623	853.595.845.049
111	1. Tiền	V.1	108.289.812.438	21.090.823.482
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	497.230.447.185	832.505.021.567
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		118.602.424.193	116.794.073.022
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	118.602.424.193	116.794.073.022
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		260.747.240.702	218.924.661.957
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	254.947.814.528	217.118.361.044
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	4.995.479.076	1.478.051.189
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	803.497.098	328.149.724
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		450.000	100.000
140	IV. Hàng tồn kho		4.677.619.838	4.665.964.883
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.677.619.838	4.665.964.883
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.244.937.628	11.379.230.379
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	5.457.689.918	11.329.196.537
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	4.787.247.710	50.033.842
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		98.095.999.408	96.454.953.955
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		83.436.848.809	80.154.695.764
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	65.289.174.480	65.679.195.764
222	- Nguyên giá		110.408.472.617	109.008.037.615
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.119.298.137)	(43.328.841.851)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	18.147.674.329	14.475.500.000
228	- Nguyên giá		19.386.382.837	15.630.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.238.708.508)	(1.155.250.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		296.258.406	2.291.302.387
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	296.258.406	2.291.302.387
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	12.500.000.000	12.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.840.892.193	1.486.955.804
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	1.840.892.193	1.486.955.804
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.097.888.481.392	1.301.814.729.245

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		332.839.657.067	796.314.729.245
310	I. Nợ ngắn hạn		246.338.357.067	664.814.729.245
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	4.009.578.244	9.705.050.247
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	47.860.342	30.974.915
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	170.657.662.033	602.432.841.737
314	4. Phải trả người lao động	V.19	97.146.519	10.039.573.712
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	42.030.209.335	5.064.801.784
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.21	237.630.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	551.509.149	647.289.405
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	28.706.761.445	36.894.197.445
330	II. Nợ dài hạn		86.501.300.000	131.500.000.000
354	1. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.24	86.501.300.000	131.500.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		765.048.824.325	505.500.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu		765.048.824.325	505.500.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.25.1	505.500.000.000	505.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.25.2	-	-
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.25.3	259.548.824.325	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		259.548.824.325	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.097.888.481.392	1.301.814.729.245

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	2. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		4.241.668.866	3.807.641.461
	3. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		411.025.937.713	366.982.210.476
	4. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		140.000.000.000	130.000.000.000

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Cừ

Bình Phước, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
01	1. Doanh thu (DT)	VI.26	2.630.545.746.262	2.353.001.759.686
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		2.623.984.654.542	2.346.259.236.363
01.1.1	1.1.1 Xổ số truyền thống		2.610.334.263.634	2.335.115.100.000
01.1.2	1.1.2 Xổ số tự chọn		13.650.390.908	11.144.136.363
01.2	1.2 Doanh thu khác		490.785.184	419.762.963
01.3	1.3 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.070.306.536	6.322.760.360
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.26	342.258.867.984	306.033.813.439
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		342.258.867.984	306.033.813.439
02.1.1	2.1.1 Xổ số truyền thống		340.478.382.213	304.580.230.434
02.1.2	2.1.2 Xổ số tự chọn		1.780.485.771	1.453.583.005
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ DT bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần (DTT)	VI.26	2.288.286.878.278	2.046.967.946.247
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.281.725.786.558	2.040.225.422.924
10.1.1	3.1.1 Xổ số truyền thống		2.269.855.881.421	2.030.534.869.566
10.1.2	3.1.2 Xổ số tự chọn		11.869.905.137	9.690.553.358
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		490.785.184	419.762.963
10.3	3.3 DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.070.306.536	6.322.760.360
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.27	1.922.894.917.131	1.718.030.313.604
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		1.917.676.994.870	1.712.559.526.694
11.1.1	4.1.1 Chi phí trả thưởng		1.445.926.155.000	1.292.686.229.000
11.1.2	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		471.750.839.870	419.873.297.694
11.2	4.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		5.217.922.261	5.470.786.910
20	5. Lợi nhuận (LN) gộp		365.391.961.147	328.937.632.643
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		364.048.791.688	327.665.896.230
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác		490.785.184	419.762.963
20.3	5.3 LN từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ		852.384.275	851.973.450
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	17.157.539.960	9.339.944.226

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.29	58.523.711.068	57.396.152.832
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		324.025.790.039	280.881.424.037
31	10. Thu nhập khác	VI.30	228.944.410	223.052.240
32	11. Chi phí khác	VI.31	73.581.104	62.157.757
40	12. Lợi nhuận khác		155.363.306	160.894.483
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		324.181.153.345	281.042.318.520
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.32	64.632.329.020	57.573.850.331
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		259.548.824.325	223.468.468.189

Bình Phước, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.430.997.674.192	2.190.742.247.376
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(74.155.912.435)	(60.666.185.424)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.043.961.321)	(23.446.412.966)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(108.709.200.665)	(91.279.336.422)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.979.533.450	116.467.448.442
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.100.184.273.800)	(1.946.523.655.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		149.883.859.421	185.294.105.756
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.572.099.410)	(49.240.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	(1.797.156.520)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.470.175.524	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.038.801.032	9.449.118.376
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.936.877.146	7.602.721.856

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(409.896.321.993)	(307.909.093.724)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(409.896.321.993)	(307.909.093.724)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(248.075.585.426)	(115.012.266.112)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	853.595.845.049	756.812.669.787
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	605.520.259.623	641.800.403.675

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Giám đốc






Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có 2 lĩnh vực: Lĩnh vực Xổ số và lĩnh vực Nhà hàng Khách sạn. Cấu trúc Công ty gồm có:

- ❖ **Trụ sở chính** - Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 25 tháng 12 năm 2008:

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai

(địa chỉ cũ: Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước)

Mã số : 3800100513

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- ❖ **Khách sạn Bombo** – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013:

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai

(địa chỉ cũ: Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước)

Mã số : **3800100513-001**

- ❖ **Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh** địa chỉ số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh.(địa chỉ cũ: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.)
- ❖ **Trạm giao dịch tại Thành Phố Cần Thơ** địa chỉ số: 22C2 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cái Khế, Thành Phố Cần Thơ. (địa chỉ cũ: 22C2 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- ❖ Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- ❖ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ sổ Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
+ Máy móc, thiết bị	05 - 20
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
+ Tài sản cố định khác	15 - 25

5.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ *Quyền sử dụng đất*

- Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ *Phần mềm máy vi tính*

- Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 – 15 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Chi phí trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.
- Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
- Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.
- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

- Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.
- Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.
- Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Mức trích lập của Công ty đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

11. Vốn chủ sở hữu

❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ **Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ, tài chính khác;
- Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- “***Doanh thu có thuế***” là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- “***Doanh thu chưa có thuế***” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng thành phẩm được giao của bên mua hàng;
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

13. Các khoản chi phí

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

- Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

14. Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số (lĩnh vực kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể), đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam, không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực đại lý.

16. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại **Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

		ĐVT: Đồng	
		Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
1. Tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		11.383.642.442	1.218.956.601
- Tiền gửi ngân hàng		96.906.169.996	19.871.866.881
Cộng		108.289.812.438	21.090.823.482
2. Các khoản tương đương tiền			
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng (NH) thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:			
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Phước		28.270.959.573	30.119.671.233
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Phước		53.884.842.857	73.234.804.136
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước		98.263.090.391	198.021.238.356
- Ngân hàng TMCP Nam Á CN Bình Phước		85.702.636.588	163.493.289.210
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước		23.024.514.512	35.228.196.051
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Khởi		47.925.181.460	52.387.167.895
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước		78.372.319.582	155.605.771.892
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hàm Nghi		41.689.013.639	72.660.692.119
- NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước		27.699.871.057	39.541.027.239
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Phước		12.398.017.526	12.213.163.436
Cộng		497.230.447.185	832.505.021.567
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	38.685.671.272	38.531.621.608
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Phước	77.178.932.927	75.587.780.662
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	2.737.819.994	2.674.670.752
Cộng	118.602.424.193	116.794.073.022
4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	252.686.830.932	214.356.672.237
+ Hà Thị Thùy Trang	10.269.196.124	8.153.249.999
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	5.074.463.085	4.258.276.510
+ Lương Quan Thạch	4.861.450.305	4.285.303.305
+ Mai Hữu Ánh	17.541.602.539	16.150.202.879
+ Nguyễn Đức Đây	6.401.645.530	5.484.540.530
+ Nguyễn Kế Thanh	5.210.534.000	4.457.342.275
+ Nguyễn Khắc Duy	7.104.495.154	6.334.081.609
+ Nguyễn Phú Thương	6.349.728.716	5.309.941.216
+ Nguyễn Thị Thiên	13.215.840.925	8.938.683.425
+ Phan Văn Thái	5.069.328.810	4.378.686.330
+ Trần Diễm Trang	8.382.551.713	762.577.000
+ Trần Thị Trang	4.605.385.640	3.675.468.935
+ Trần Văn Sang	5.852.167.630	5.137.479.580
+ Trần Vũ Anh Đào	7.669.499.430	6.932.196.170
+ Các đối tượng khác	145.078.941.331	130.098.642.474
- Thuế TNCN nộp thay đại lý còn phải thu	2.260.983.596	2.098.106.372
- Phải thu khách hàng Khách sạn Bom Bo	-	663.582.435
Cộng	254.947.814.528	217.118.361.044

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Công ty TNHH TM Hồng Phát Minh	4.665.936.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm Định Xây dựng Sài Gòn	115.900.000	115.900.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng TP.HCM	68.862.500	68.862.500
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Techpro	-	1.111.947.000
- Các đối tượng khác	144.780.576	181.341.689
Cộng	4.995.479.076	1.478.051.189

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu BHXH	687.413.621	133.667.352
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	159.787.767
- Phải thu Kinh phí công đoàn	38.038.977	-
- Các đối tượng khác	78.044.500	34.694.605
Cộng	803.497.098	328.149.724

7. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Nguyên vật liệu	125.741.021	150.770.108
- Công cụ, dụng cụ	318.020.000	569.534.815
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.804.036.400	2.607.100.000
- Hàng hoá	36.822.417	45.059.960
- Hàng gửi bán	1.393.000.000	1.293.500.000
Cộng	4.677.619.838	4.665.964.883

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

		Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tịa ngày 30/6/2025
-	Công cụ, dụng cụ xuất dùng	102.914.685	350.336.365	(81.408.190)	371.842.860
-	Chi phí sửa chữa, thuê VP	222.755.777	569.402.318	(321.115.757)	471.042.338
-	Phí bảo hiểm	2.721.472.521	49.030.003	(2.117.893.475)	652.609.049
-	Chi phí khác	8.282.053.554	578.014.815	(4.897.872.698)	3.962.195.671
	Cộng	11.329.196.537	1.546.783.501	(7.418.290.120)	5.457.689.918

-	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	21.622.956	50.033.842
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	4.765.624.754	-
Cộng	4.787.247.710	50.033.842
10. Phải thu dài hạn khác	22.000.000	22.000.000

26

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

11. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Tại ngày 01/01/2025		75.873.397.891	16.559.685.197	3.495.069.409	2.710.463.960	10.369.421.158	109.008.037.615
- Tăng trong kỳ		-	-	496.230.797	1.133.358.750	-	1.629.589.547
- Giảm trong kỳ		-	(154.700.000)	-	(74.454.545)	-	(229.154.545)
- Tại ngày 30/6/2025		75.873.397.891	16.404.985.197	3.991.300.206	3.769.368.165	10.369.421.158	110.408.472.617
Giá trị hao mòn							
- Tại ngày 01/01/2025		19.106.571.959	12.254.873.722	3.402.177.583	2.440.743.836	6.124.474.751	43.328.841.851
- Khấu hao trong kỳ		808.207.194	672.542.179	73.887.570	166.912.128	298.061.760	2.019.610.831
- Giảm trong kỳ		-	(154.700.000)	-	(74.454.545)	-	(229.154.545)
- Tại ngày 30/6/2025		19.914.779.153	12.772.715.901	3.476.065.153	2.533.201.419	6.422.536.511	45.119.298.137
Giá trị còn lại							
- Tại ngày 01/01/2025		56.766.825.932	4.304.811.475	92.891.826	269.720.124	4.244.946.407	65.679.195.764
- Tại ngày 30/6/2025		55.958.618.738	3.632.269.296	515.235.053	1.236.166.746	3.946.884.647	65.289.174.480
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày 01/01/2025		2.047.866.800	5.128.457.792	2.986.832.727	1.841.821.299	-	12.004.978.618
- Tại ngày 30/6/2025		2.047.866.800	4.973.757.792	2.809.099.091	1.945.100.390	-	11.775.824.073

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Chỉ tiêu	[a]	[b]	
Nguyên giá			
- Tại ngày 01/01/2025	14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
- Tăng trong kỳ	-	3.755.632.837	3.755.632.837
- Tại ngày 30/6/2025	14.475.500.000	4.910.882.837	19.386.382.837
Giá trị hao mòn			
- Tại ngày 01/01/2025	-	1.155.250.000	1.155.250.000
- Khấu hao trong kỳ	-	83.458.508	83.458.508
- Tại ngày 30/6/2025	-	1.238.708.508	1.238.708.508
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2025	14.475.500.000	-	14.475.500.000
- Tại ngày 30/6/2025	14.475.500.000	3.672.174.329	18.147.674.329
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng			
- Tại ngày 01/01/2025	-	1.155.250.000	1.155.250.000
- Tại ngày 30/6/2025	-	1.155.250.000	1.155.250.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (địa chỉ mới: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh). (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	296.258.406	2.291.302.387

Chi phí đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn và chuyển đổi số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.000
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.		
- Chi tiết tình hình cổ tức đã nhận được qua các niên độ kế toán như sau:		
Nội dung	Số tiền	Giá trị lũy kế
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2015	3.051.700.000	3.051.700.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2017	2.750.000.000	5.801.700.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2018	3.165.400.000	8.967.100.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2019	4.165.000.000	13.132.100.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2020	4.582.000.000	17.714.100.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2021	3.249.700.000	20.963.800.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2022	1.499.400.000	22.463.200.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2023	4.498.200.000	26.961.400.000
+ Cổ tức thực nhận niên độ 2024	8.662.969.827	35.624.369.827
+ Cổ tức thực nhận kỳ 6 tháng đầu năm 2025 (VI.28)	7.736.154.176	43.360.524.003
- Tỷ lệ cổ tức thực nhận lũy kế đến 6 tháng đầu năm 2025 trên vốn đầu tư là 346,88%.		

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2025
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	125.822.769	412.296.898	(97.050.332)	441.069.335
- Chi phí sửa chữa, thuê VP	1.359.160.814	915.349.769	(876.186.612)	1.398.323.971
- Chi phí khác	1.972.221	-	(473.334)	1.498.887
Cộng	1.486.955.804	1.327.646.667	(973.710.278)	1.840.892.193

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Xí nghiệp in Tài chính	3.008.880.000	-
- Bệnh viện Đại học y dược TP.HCM	289.506.660	-
- Công ty CP Thiết bị Giám sát và Công trình Việt Nam	259.116.000	-
- Công ty TNHH ĐT Phát triển Công nghệ Bách Khoa	132.033.000	6.992.000
- Công ty TNHH DV BV - VS Lam Sơn	52.080.000	60.480.000
- Công ty TNHH Công nghệ TT Dữ liệu Miền Nam	-	1.190.010.000
- Công ty CPĐT QC Song Hành	-	6.580.000.000
- Các đối tượng khác	267.962.584	1.867.568.247
Cộng	4.009.578.244	9.705.050.247

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

47.860.342

30.974.915

Khách hàng Khách sạn Bom Bo trả trước tiền thuê phòng, đặt tiệc.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2025
- Thuế Giá trị gia tăng (*)	32.139.588.743	259.515.976.996	252.125.012.191	39.530.553.548
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	44.681.879.835	342.258.867.984	334.422.359.684	52.518.388.135
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	105.709.200.665	64.632.329.020	108.709.200.665	61.632.329.020
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	405.130.697.239	-	409.896.321.993	(4.765.624.754)
- Thuế Thu nhập cá nhân	14.771.475.255	106.292.946.318	104.088.030.243	16.976.391.330
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	12.904.310.100	80.338.530.000	78.976.690.100	14.266.150.000
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	2.750.602.294	21.770.553.426	21.222.758.454	3.298.397.266
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(883.437.139)	4.183.862.892	3.888.581.689	(588.155.936)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(50.033.842)	28.410.886	-	(21.622.956)
- Phí, lệ phí và thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	602.382.807.895	772.732.531.204	1.209.244.924.776	165.870.414.323
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế phải nộp Nhà nước	602.432.841.737			170.657.662.033
- Thuế nộp thừa (V.9)	(50.033.842)			(4.787.247.710)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

(*) Thuế Giá trị gia tăng

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu kỳ	32.139.588.743	36.890.482.840
- Phát sinh trong kỳ (**)	263.007.545.126	235.893.255.225
- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào	(3.491.568.130)	(3.486.000.292)
- Thuế GTGT đầu ra đã nộp trong kỳ	(252.125.012.191)	(228.870.993.362)
- Số cuối kỳ	39.530.553.548	40.426.744.411

() Thuế GTGT phát sinh trong kỳ chi tiết theo hoạt động**

- Kinh doanh xổ số truyền thống	261.033.426.366	233.511.510.000
- Kinh doanh xổ số tự chọn	1.365.039.092	1.114.413.637
- Khách sạn Bom Bo	494.431.498	513.871.233
- Các hoạt động khác	114.648.170	753.460.355
Cộng	263.007.545.126	235.893.255.225

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 8% và 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm trụ sở Công ty tại địa chỉ số 725, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. (địa chỉ mới: 725, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai.)
- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. (địa chỉ mới: Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai.)

Lợi nhuận sau thuế nộp Ngân sách Nhà nước

Là khoản lợi nhuận còn lại phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
19. Phải trả người lao động	97.146.519	10.039.573.712

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Chi phí trả thưởng còn phải trả	41.098.700.000	4.231.800.000
- Chi phí tiền thuê đất	652.184.946	-
- Các chi phí hoạt động khác	279.324.389	833.001.784
Cộng	42.030.209.335	5.064.801.784

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	237.630.000	-
Nhận trước tiền Vé lô tô thủ công gửi đại lý bán.		
22. Phải trả ngắn hạn khác		
- Phải trả ủy quyền trả thưởng	464.051.924	358.085.484
- Kinh phí công đoàn	-	96.552.424
- Nhận ký quỹ, ký cược	85.000.000	85.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.457.225	107.651.497
Cộng	551.509.149	647.289.405

23. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2025	Tăng khác	Chi trong kỳ	Tại ngày 30/6/2025
- Quỹ Khen thưởng	15.651.192.992	14.040.000	(448.485.000)	15.216.747.992
- Quỹ Phúc lợi	20.862.913.839	3.500.000	(7.456.491.000)	13.409.922.839
- Quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên	380.090.614	-	(300.000.000)	80.090.614
Cộng	36.894.197.445	17.540.000	(8.204.976.000)	28.706.761.445

24. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập và sử dụng theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu kỳ	131.500.000.000	109.000.000.000
- Trích trong kỳ	-	-
- Chi sử dụng trong kỳ (*)	(44.998.700.000)	-
- Số cuối kỳ	86.501.300.000	109.000.000.000

(*) Do tỷ lệ chi trả thưởng 6 đầu kỳ 2025 vượt mức 50% so với quy định nên Công ty sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để thanh toán cho phần vượt trên 50% nhằm đảm bảo phù hợp giữa Doanh thu với Chi phí theo chuẩn mực Kế toán.

25. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024					
25.1	Vốn góp của chủ sở hữu	413.400.000.000	-	-	413.400.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	92.100.000.000	-	-	92.100.000.000
25.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	223.468.468.189	-	223.468.468.189
	Cộng	505.500.000.000	223.468.468.189	-	728.968.468.189
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025					
25.1	Vốn góp của chủ sở hữu	505.500.000.000	-	-	505.500.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
25.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	259.548.824.325	-	259.548.824.325
	Cộng	505.500.000.000	259.548.824.325	-	765.048.824.325

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/6/2025

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	2.630.545.746.262	2.353.001.759.686
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	2.623.984.654.542	2.346.259.236.363
* <i>Xổ số truyền thống</i>	2.610.334.263.634	2.335.115.100.000
* <i>Xổ số tự chọn</i>	13.650.390.908	11.144.136.363
+ Doanh thu bán phế liệu	490.785.184	419.762.963
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	6.070.306.536	6.322.760.360
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(342.258.867.984)	(306.033.813.439)
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(342.258.867.984)	(306.033.813.439)
* <i>Xổ số truyền thống</i>	(340.478.382.213)	(304.580.230.434)
* <i>Xổ số tự chọn</i>	(1.780.485.771)	(1.453.583.005)
+ Chiết khấu thương mại khách sạn Bom Bo	-	-
- Doanh thu thuần	2.288.286.878.278	2.046.967.946.247
Trong đó:		
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	2.281.725.786.558	2.040.225.422.924
+ Doanh thu bán phế liệu	490.785.184	419.762.963
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	6.070.306.536	6.322.760.360

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

27. Chi phí kinh doanh

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí kinh doanh xổ số	1.917.676.994.870	1.712.559.526.694
+ Chi phí trả thưởng	1.445.926.155.000	1.292.686.229.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	1.435.688.500.000	1.284.882.900.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	10.237.655.000	7.803.329.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	471.750.839.870	419.873.297.694
* Chi phí cho các đại lý	435.411.068.522	389.222.388.614
* Chi phí phát hành vé	34.860.563.600	29.364.833.332
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	973.207.748	755.075.748
* Chi phí chống số đề	30.000.000	55.000.000
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	416.000.000	416.000.000
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
- Giá vốn hàng hoá, dịch vụ	5.217.922.261	5.470.786.910
+ Giá vốn kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.217.922.261	5.470.786.910
Tổng cộng	1.922.894.917.131	1.718.030.313.604

28. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	9.421.385.784	6.840.944.226
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.736.154.176	2.499.000.000
Cộng	17.157.539.960	9.339.944.226

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí nhân viên quản lý	27.105.320.884	26.687.994.930
- Chi phí vật liệu quản lý	571.556.890	638.905.927
- Chi phí đồ dùng văn phòng	516.010.524	711.105.457
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.162.017.980	946.194.499
- Thuế, phí và lệ phí	721.058.979	712.676.188
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.202.380.372	2.865.359.332
- Chi phí bằng tiền khác	25.245.365.439	24.833.916.499
Cộng	58.523.711.068	57.396.152.832

30. Thu nhập khác

- Thu thù lao thu hộ vé	190.545.457	190.545.457
- Thu phí dịch vụ SMS	4.545.455	24.181.818
- Thu nhập khác	33.853.498	8.324.965
Cộng	228.944.410	223.052.240

31. Chi phí khác

- Các khoản tiền phạt	44.740	748.665
- Chi thù lao thu hộ vé	47.636.364	42.909.092
- Chi phí bán giấy phế liệu	25.900.000	18.500.000
Cộng	73.581.104	62.157.757

32. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	324.181.153.345	281.042.318.520
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	6.556.858.163	9.216.758.986
- Trừ (-) Thu nhập không chịu thuế	(7.736.154.176)	(2.499.000.000)
- Cộng (+) Thu nhập năm trước chưa tính thuế	159.787.767	109.174.150
- Tổng thu nhập tính thuế	323.161.645.099	287.869.251.656
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.632.329.020	57.573.850.331

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	471.750.839.870	419.873.297.694
- Chi phí trả thưởng	1.445.926.155.000	1.292.686.229.000
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.095.754.221	1.270.013.468
- Chi phí nhân công	28.068.992.457	27.640.586.196
- Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	516.010.524	711.105.457
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.103.069.339	1.887.245.848
- Thuế, phí và lệ phí	721.058.979	712.676.188
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.739.196.757	5.637.054.873
- Chi phí khác	25.245.365.439	24.833.916.499
Cộng	1.981.166.442.586	1.775.252.125.223

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty có thực hiện các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 725, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. (địa chỉ mới: Số 725, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai.)

Mục đích thuê: : Làm trụ sở Công ty

Diện tích đất : 3.644 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/4/1997

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 685, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. (địa chỉ mới: Số 685, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai.)

Mục đích thuê: : Làm Khách sạn Bom Bo

Diện tích đất thuê : 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không còn có bất kỳ khoản cam kết, tài sản tiềm tàng hay nợ tiềm tàng nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Điều hành Công ty trong kỳ: **3.184.493.589 Đồng**, chi tiết như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	580.795.389
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Giám đốc	767.565.332
Ông Trần Văn Sang	Phó Giám đốc	695.229.860
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	Kiểm soát viên	515.306.016
Ông Nguyễn Xuân Cừ	Kế toán trưởng	625.596.992
Cộng		3.184.493.589

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2025 sau đây:

- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ, quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 38/2025/TT-BTC ngày 13/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2021/TT-BTC ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 61/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 75/2013/TT-BTC hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC, ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.**

Bình Phước, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Cừ

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ DVTH BÌNH PHƯỚC

Phụ lục 03 - Mẫu 01



BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2025

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D	1.752.216.046	1.752.216.046
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D		
6. Vốn điều lệ		D	505.500.000.000	505.500.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			602.382.807.895	489.476.653.974
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P	772.732.531.204	1.730.028.409.774
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P	772.732.531.204	1.320.395.971.795
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P		409.632.437.979
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P	1.209.244.924.776	1.617.122.255.853
Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P	409.896.321.993	307.909.093.724
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D	165.870.414.323	602.382.807.895

Ghi chú:

- Báo cáo này được gửi cùng với BCTC quý, năm.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh ĐN;
- Sở Tài chính tỉnh ĐN;
- Cục Thống kê;
- CT, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Khoa